

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN 30/06/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên
Ông Phạm Bá Chính	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên
Ông Phan Văn Hưng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Trần Thị Thanh Hương

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, Chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 06 đến trang 39 Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

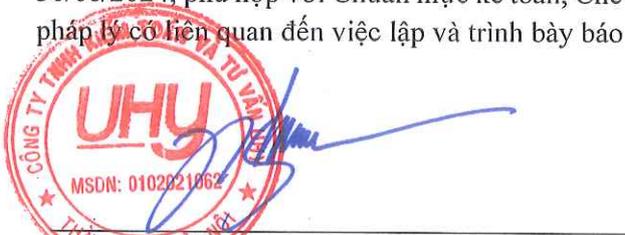
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.


CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
MSDN: 0102021262

Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01 – DN	
			30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		427.385.484.035	373.450.609.598
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	275.849.507.822	221.084.835.176
Tiền	111		275.849.507.822	206.084.835.176
Các khoản tương đương tiền	112		-	15.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	61.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		61.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.236.894.059	40.030.805.702
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.817.340.935	23.833.808.430
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.251.047.643	11.490.207.808
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	13.675.197.334	14.213.481.317
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.506.691.853)	(9.506.691.853)
Hàng tồn kho	140	10	44.043.308.595	32.055.438.765
Hàng tồn kho	141		44.043.308.595	32.055.438.765
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.255.773.559	20.279.529.955
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	2.412.853.642	3.023.525.620
Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.332.746.899	14.725.601.561
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.510.173.018	2.530.402.774
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.425.008.455	236.523.762.644
Tài sản cố định	220		152.445.171.743	140.939.021.046
Tài sản cố định hữu hình	221	12	152.430.416.176	140.887.682.136
- Nguyên giá	222		1.104.173.109.805	1.323.978.959.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(951.742.693.629)	(1.183.091.277.684)
Tài sản cố định vô hình	227	13	14.755.567	51.338.910
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(649.898.933)	(613.315.590)
Bất động sản đầu tư	230	14	3.036.480.013	3.432.542.629
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(20.663.524.638)	(20.267.462.022)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	49.739.044.253
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	49.739.044.253
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	5.135.153.605	5.087.993.205
Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		537.428.525	537.428.525
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(402.274.920)	(449.435.320)
Tài sản dài hạn khác	260		40.808.203.094	37.325.161.511
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	40.808.203.094	37.325.161.511
TỔNG TÀI SẢN	270		628.810.492.490	609.974.372.242

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01 – DN	
			30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		91.354.950.705	94.931.465.458
Nợ ngắn hạn	310		90.495.548.645	94.725.960.843
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	19.772.610.415	14.451.919.979
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		352.083.955	2.000.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.254.741.740	7.657.199.703
Phải trả người lao động	314		14.888.793.962	28.239.430.795
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	15.208.471.922	1.653.991.957
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	2.654.104.378	399.673.505
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	15.059.302.164	28.047.956.134
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.305.440.109	12.275.788.770
Nợ dài hạn	330		859.402.060	205.504.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		859.402.060	205.504.615
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		537.455.541.785	515.042.906.784
Vốn chủ sở hữu	410	21	537.455.541.785	515.042.906.784
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		309.906.985.045	145.900.399.266
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.548.556.740	169.142.507.518
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	133.722.357.597
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.548.556.740	35.420.149.921
TỔNG NGUỒN VỐN	440		628.810.492.490	609.974.372.242

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Dương Ngọc Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B02 - DN	
			Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	280.165.497.165	295.979.401.859
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		280.165.497.165	295.979.401.859
Giá vốn hàng bán	11	24	273.973.605.457	282.467.604.431
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.191.891.708	13.511.797.428
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.870.235.105	10.228.387.336
Chi phí tài chính	22	26	261.965.757	5.901.450.970
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.678.892.562
Chi phí bán hàng	25	27	4.391.908.009	5.877.404.020
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.940.850.042	10.160.461.380
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.467.403.005	1.800.868.394
Thu nhập khác	31	28	33.393.983.640	26.201.004
Chi phí khác	32	29	404.190.720	442.136.868
Lợi nhuận khác	40		32.989.792.920	(415.935.864)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.457.195.925	1.384.932.530
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	6.254.741.740	326.478.928
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	653.897.445	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.548.556.740	1.058.453.602

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương



Dương Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B03 – DN	
			Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.457.195.925	1.384.932.530
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38.771.875.155	44.273.954.032
Các khoản dự phòng	03		(47.160.400)	(356.573.678)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.291.937.536)	80.440.457
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(30.407.340.153)	(5.605.105.257)
Chi phí lãi vay	06		-	1.678.892.562
Các điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.482.632.991	41.456.540.646
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.586.368.888	(10.195.068.058)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.987.869.830)	18.680.702.944
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.211.334.664)	(60.107.333.298)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.872.369.605)	(652.359.253)
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.878.198.611)	(497.041.096)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.505.444.909)	(8.285.270.028)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.100.000	2.980.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.114.370.400)	(739.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.507.513.860	(20.336.548.143)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.894.265.159)	(12.890.803.352)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		66.901.675.521	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.000.000.000)	(110.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.000.000.000	120.554.520.548
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.980.018.501	4.908.823.186
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44.987.428.863	2.572.540.382

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B03 – DN	
			Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(18.769.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>(18.769.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		50.494.942.723	(36.533.007.761)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	221.084.835.176	237.371.958.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.269.729.923	(100.171.064)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	275.849.507.822	200.738.779.872

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương



Đương Ngọc Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (“Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 30 tháng 07 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 14 Võ Nguyên Giáp, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 292 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 310 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cho thuê văn phòng
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Công ty có các công ty con tại thời điểm 30/06/2024 bao gồm:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng).

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.9 THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí sửa chữa các tàu lên đà: Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 05 năm 02 lần;
- Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm thể hiện khoản tiền bảo hiểm đã trả cho dịch vụ bảo hiểm của Công ty đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm quy định trên hợp đồng bảo hiểm;
- Chi phí trả trước khác: Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ chờ phân bổ,... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.13 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và đi gc trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 DOANH THU

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê tàu biển, văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

3.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,.... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3.18 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Trong kỳ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.20 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là lĩnh vực vận tải biển quốc tế nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	598.441.000	301.261.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	275.251.066.822	205.783.574.176
- Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
Cộng	275.849.507.822	221.084.835.176

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	61.000.000.000	60.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	61.000.000.000	60.000.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	61.000.000.000	60.000.000.000

(*) Tại ngày 30/06/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi lại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,45%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2024				01/01/2024			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND	%
- Đầu tư vào công ty con	5.000.000.000	-	(*)	100%	5.000.000.000	-	(*)	100%
+ Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship (*)	5.000.000.000	-	(*)	100%	5.000.000.000	-	(*)	100%
- Đầu tư vào đơn vị khác (**)	537.428.525	(402.274.920)	135.766.400	0%	537.428.525	(449.435.320)	88.547.200	0%
+ Công ty Cổ phần vận tải và thuê tàu biển Việt Nam - VST	537.018.920	(402.274.920)	134.744.000	0%	537.018.920	(449.435.320)	87.583.600	0%
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB	409.605	-	1.022.400	0%	409.605	-	963.600	0%
Cộng	5.537.428.525	(402.274.920)			5.537.428.525	(449.435.320)		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán UpCOM và HOSE tại ngày 31/12/2023 và 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	5.817.340.935	(2.164.204.279)	23.833.808.430	(2.164.204.279)
- Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	1.018.575.000	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	140.053.609	-	93.569.673	-
- SHIPPING Pte. Ltd, Singapore	818.549.857	-	-	-
- PONGLARP Co. Ltd	818.549.857	-	-	-
- R&S Trader Pte Ltd, Singapore	-	-	14.780.156.866	-
- Phải thu khách hàng khác	3.021.597.612	(2.164.204.279)	8.960.081.891	(2.164.204.279)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.817.340.935	(2.164.204.279)	23.833.808.430	(2.164.204.279)

Phải thu khách hàng là bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 33

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	6.251.047.643	-	11.490.207.808	-
- Công Ty Cổ phần Xây Dựng GM	-	-	3.393.672.846	-
- Công ty TNHH Tập đoàn thang máy thiết bị Thăng Long	3.444.650.000	-	3.266.400.000	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu	-	-	2.740.379.814	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đầu tư miền Duyên Hải	1.110.447.797	-	1.110.447.797	-
- Trả trước cho người bán khác	1.695.949.846	-	979.307.351	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.251.047.643	-	11.490.207.808	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	13.675.197.334	(7.342.487.574)	14.213.481.317	(7.342.487.574)
- Phải thu về lãi tiền gửi	741.849.313	-	1.101.568.492	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	251.159.608	-	174.862.168	-
- Tạm ứng	3.007.417.972	-	2.937.560.671	-
- Ký quỹ, ký cược	692.000.000	-	692.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển dương Vinashin	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Phải thu tiền bảo hiểm tàu	1.612.939.541	-	1.935.659.086	-
- Phải thu khác	27.343.326	-	29.343.326	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	13.675.197.334	(7.342.487.574)	14.213.481.317	(7.342.487.574)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	7.342.487.574	-	7.342.487.574	7.342.487.574	-	7.342.487.574
- Công ty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	-	247.550.379	247.550.379	-	247.550.379
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	1.104.934.000	1.104.934.000	-	1.104.934.000
- Các đối tượng khác	811.719.900	-	811.719.900	811.719.900	-	811.719.900
Cộng	9.506.691.853	-	9.506.691.853	9.506.691.853	-	9.506.691.853

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.426.087.298	-	32.055.438.765	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.617.221.297	-	-	-
Cộng	44.043.308.595	-	32.055.438.765	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.124.146.300
- Sửa chữa lớn tàu Vinaship Pearl	-	1.124.146.300
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	-	48.614.897.953
- Dự án xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới tại lô đất TM8 đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 (*)	-	48.614.897.953
Cộng	-	49.739.044.253

(*) Thông tin về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới và cho thuê văn phòng làm việc;
- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8, khu đô thị Hồ Sen – Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 96 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Dự án được triển khai từ năm 2019 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2024;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2024: Đã thực hiện đưa vào sử dụng trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	6.905.725.306	60.431.830	1.316.732.975.567	279.827.117	1.323.978.959.820
- Mua trong kỳ	-	-	-	219.174.980	219.174.980
- XDCB hoàn thành	76.578.367.276	5.037.511.011	-	5.850.000.001	87.465.878.288
- Thanh lý nhượng bán	(46.958.605)	-	(307.443.944.678)	-	(307.490.903.283)
30/06/2024	<u>83.437.133.977</u>	<u>5.097.942.841</u>	<u>1.009.289.030.889</u>	<u>6.349.002.098</u>	<u>1.104.173.109.805</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(5.773.169.544)	(60.431.830)	(1.177.041.294.282)	(216.382.028)	(1.183.091.277.684)
- Khấu hao trong kỳ	(123.568.173)	(13.624.615)	(38.167.389.085)	(34.647.323)	(38.339.229.196)
- Giảm do thanh lý nhượng bán	46.182.252	-	269.641.630.999	-	269.687.813.251
30/06/2024	<u>(5.850.555.465)</u>	<u>(74.056.445)</u>	<u>(945.567.052.368)</u>	<u>(251.029.351)</u>	<u>(951.742.693.629)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	<u>1.132.555.762</u>	-	<u>139.691.681.285</u>	<u>63.445.089</u>	<u>140.887.682.136</u>
30/06/2024	<u>77.586.578.512</u>	<u>5.023.886.396</u>	<u>63.721.978.521</u>	<u>6.097.972.747</u>	<u>152.430.416.176</u>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 290.581.823.327 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 106.305.460.444 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	664.654.500	664.654.500
30/06/2024	<u>664.654.500</u>	<u>664.654.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(613.315.590)	(613.315.590)
- Khấu hao trong kỳ	(36.583.343)	(36.583.343)
30/06/2024	<u>(649.898.933)</u>	<u>(649.898.933)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>51.338.910</u>	<u>51.338.910</u>
30/06/2024	<u>14.755.567</u>	<u>14.755.567</u>

Nguyên giá tài sản vô hình của Công ty đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 307.654.500 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 307.654.500 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2024
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	-	-	-	-
- Nhà	2.627.505.019			2.627.505.019
- Cơ sở hạ tầng	21.072.499.632			21.072.499.632
CỘNG	26.327.509.670			23.700.004.651
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
- Nhà	(2.627.505.019)			(2.627.505.019)
- Cơ sở hạ tầng	(17.639.957.003)	(396.062.616)		(18.036.019.619)
CỘNG	(20.267.462.022)	(396.062.616)		(20.663.524.638)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
- Nhà	-			-
- Cơ sở hạ tầng	3.432.542.629		(396.062.616)	3.036.480.013
CỘNG	3.432.542.629		(396.062.616)	3.036.480.013

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn đang cho thuê tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 6.546.020.001 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024: 6.259.455.501 đồng);
- Trong kỳ doanh thu phát sinh từ bất động sản là: 1.528.550.749 đồng;
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 22.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá trị thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.412.853.642	3.023.525.620
- Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.391.655.967	2.785.453.620
- Chi phí chờ phân bổ - chi phí dùng chung toà nhà	11.197.675	-
- Các khoản khác	10.000.000	238.072.000
b) Dài hạn	40.808.203.094	37.325.161.511
- Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	38.737.489.170	37.325.161.511
- Các khoản khác	2.070.713.924	-
Cộng	43.221.056.736	40.348.687.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	19.772.610.415	19.772.610.415	14.451.919.979	14.451.919.979
- Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Thành Long	5.661.352.000	5.661.352.000	4.434.000.000	4.434.000.000
- Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật xanh	-	-	1.366.003.360	1.366.003.360
- PT Indofuels Limited	8.948.188.605	8.948.188.605	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	1.038.285.040	1.038.285.040	-	-
- Các đối tượng khác	4.124.784.770	4.124.784.770	8.651.916.619	8.651.916.619
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	19.772.610.415	19.772.610.415	14.451.919.979	14.451.919.979

Phải trả người bán là bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	101.020.306	101.020.306	-
- Thuế nhập khẩu	-	28.299.516	28.299.516	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.505.444.909	6.254.741.740	7.505.444.909	6.254.741.740
- Thuế thu nhập cá nhân	151.754.794	(2.885.411)	148.869.383	-
- Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
- Thuế nhà đất	-	423.611.342	423.611.342	-
Cộng	7.657.199.703	6.809.787.493	8.212.245.456	6.254.741.740
	01/01/2024	Số thực thu/ khấu trừ trong kỳ	Số phải thu/ thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	327.308.744	327.308.744
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.530.402.774	347.538.500	-	2.182.864.274
Cộng	2.530.402.774	347.538.500	327.308.744	2.510.173.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.208.471.922	1.653.991.957
- Trích trước chi phí hoạt động của các tàu	1.683.209.460	1.653.991.957
- Trích trước chi phí XDCB lô đất TM8	13.525.262.462	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	15.208.471.922	1.653.991.957

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.654.104.378	399.673.505
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	1.930.191.335	367.352.964
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	723.913.043	32.320.541
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.654.104.378	399.673.505

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.059.302.164	28.047.956.134
- Kinh phí công đoàn	1.543.680	1.000.000
- Bảo hiểm y tế	88.711.211	98.694.731
- Bảo hiểm thất nghiệp	72.866.813	3.674.333
- Nhận ký quỹ, ký cược	6.355.495.213	356.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.507.375.000	7.107.375.000
- Phải trả lãi vay	-	18.410.934.152
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.497.660.815	1.586.197.576
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	535.649.432	484.080.342
b) Dài hạn	-	-
Cộng	15.059.302.164	28.047.956.134

Phải trả khác với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	200.000.000.000	82.932.721.854	209.892.258.039	492.824.979.893
- Lãi trong năm trước	-	-	35.420.149.921	35.420.149.921
- Phân phối lợi nhuận	-	62.967.677.412	(76.169.900.442)	(13.202.223.030)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	62.967.677.412	(62.967.677.412)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.202.223.030)	(13.202.223.030)
31/12/2023	200.000.000.000	145.900.399.266	169.142.507.518	515.042.906.784
01/01/2024	200.000.000.000	145.900.399.266	169.142.507.518	515.042.906.784
- Lãi trong kỳ này	-	-	27.548.556.740	27.548.556.740
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	164.006.585.779	(169.142.507.518)	(5.135.921.739)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	164.006.585.779	(164.006.585.779)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.135.921.739)	(5.135.921.739)
30/06/2024	200.000.000.000	309.906.985.045	27.548.556.740	537.455.541.785

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 07/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, trong đó thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022, 2023 của Công ty cho Quỹ Khen thưởng phúc lợi là 4.958.820.989 đồng, Quỹ Đầu tư phát triển là 164.006.585.779 đồng và trích Quỹ thưởng người quản lý 177.100.750 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ góp	Giá trị	Tỷ lệ góp
	VND	vốn %	VND	vốn %
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	102.000.000.000	51%	102.000.000.000	51%
- Các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	98.000.000.000	49%
Cộng	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21.5 CÁC QUỸ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	309.906.985.045	145.900.399.266
Cộng	309.906.985.045	145.900.399.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

22.1 TÀI SẢN CHO THUÊ NGOÀI

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2024, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
- Từ 1 năm trở xuống	6.563.250.983	2.013.144.270
- Từ 1 đến 5 năm	21.220.545.455	218.909.091
Cộng	27.783.796.437	2.232.053.361

22.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu đất tại đường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 19.934,4 m². Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

22.3 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
- Dollar Mỹ (USD)	10.802.751,61	7.845.081,06

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Doanh thu hoạt động vận tải biển	220.214.194.301	262.789.310.404
- Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	52.765.442.738	31.068.671.513
- Doanh thu cho thuê bất động sản	1.528.550.749	1.643.470.937
- Doanh thu cung cấp dịch vụ hàng hoá khác	5.657.309.377	477.949.005
Cộng	280.165.497.165	295.979.401.859

Doanh thu với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 33

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Giá vốn hoạt động vận tải biển	217.504.181.357	251.600.470.937
- Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	50.269.363.558	30.101.205.825
- Giá vốn cung cấp cho thuê bất động sản	797.278.608	663.880.321
- Doanh thu cung cấp dịch vụ hàng hoá khác	5.402.781.934	102.047.348
Cộng	273.973.605.457	282.467.604.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	1.620.299.322	5.605.105.257
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	4.291.937.536	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.957.998.247	4.623.282.079
Cộng	10.870.235.105	10.228.387.336

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	1.678.892.562
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	309.057.853	4.189.258.893
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	80.440.457
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(47.160.400)	(47.160.400)
- Chi phí tài chính khác	68.304	19.458
Cộng	261.965.757	5.901.450.970

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	10.940.850.042	10.160.461.380
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	475.424.785	357.472.197
- Chi phí nhân công	7.734.897.750	7.556.410.920
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	434.368.205	412.522.755
- Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
- Hoàn nhập dự phòng	-	(309.413.278)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	793.272.979	702.887.604
- Chi phí bằng tiền khác	1.497.886.323	1.435.581.182
b) Các khoản chi phí bán hàng	4.391.908.009	5.877.404.020
- Hoa hồng phí cho các tàu	4.391.908.009	5.877.404.020
Cộng	15.332.758.051	16.037.865.400

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	67.202.500.000	-
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	(38.415.459.169)	-
- Miễn giảm lãi phạt của ngân hàng	4.532.735.541	-
- các khoản khác	74.207.268	26.201.004
Cộng	33.393.983.640	26.201.004

Thu nhập khác với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	-	137.733.480
- Các khoản chi phí khác	404.190.720	304.403.388
	404.190.720	442.136.868

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty đang tạm tính số thuế TNDN. Việc xác định chi phí thuế TNDN sẽ căn cứ vào kết quả kinh doanh và được tính toán vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	653.897.445	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	653.897.445	-

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	95.453.772.025	108.626.754.340
- Chi phí nhân công	32.320.579.800	30.881.283.160
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.771.875.155	44.273.954.032
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.461.403.887	102.379.790.228
- Chi phí bằng tiền khác	5.089.102.290	5.024.431.128
Cộng	289.096.733.157	291.186.212.888

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 Thông tin về bên liên quan

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

STT	Công ty	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Vinaship	Công ty con
3	Công ty TNHH Vận tải hành Công nghệ cao	Cùng tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	Cùng tập đoàn
5	Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.1 Thông tin về bên liên quan (Tiếp)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu	454.962.054	539.835.810
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	420.205.824	510.380.028
Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Vinaship	34.756.230	29.455.782
Thu nhập bán TSCĐ		
Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Vinaship	25.000.000	-
Mua hàng hoá dịch vụ		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	1.013.140.000	1.525.165.000

Số dư bên liên quan:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	140.068.609	93.569.673
Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Vinaship	4.400.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	141.859.000	226.258.500
Phải trả phải nộp khác		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	6.000.000.000	6.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.1 Thông tin về bên liên quan (Tiếp)

Thu nhập của quản lý chủ chốt:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập/Thù lao	
			Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
1	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch HĐQT	40.000.000	-
2	Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch HĐQT	-	599.200.037
3	Ông Vương Ngọc Sơn	Phó chủ tịch HĐQT	34.000.000	24.000.000
4	Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	432.767.229	581.093.732
5	Bà Vũ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	8.000.000	-
6	Ông Trần Dũng Chiến	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
7	Ông Đào Trọng Sử	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
8	Ông Phạm Bá Chính	Thành viên HĐQT	34.000.000	-
9	Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng giám đốc	297.483.240	407.058.505
10	Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng giám đốc	313.868.255	422.325.394
11	Bà Trần Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	281.741.826	383.379.899
12	Bà Lê Thị Liên Hương	Trưởng ban kiểm soát	34.000.000	24.000.000
13	Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên ban kiểm soát	23.000.000	18.000.000
14	Bà Phan Nha Trang	Thành viên ban kiểm soát	-	18.000.000
15	Ông Phan Văn Hưng	Thành viên ban kiểm soát	23.000.000	-
Tổng			<u>1.521.860.550</u>	<u>2.525.057.567</u>

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Dương Ngọc Tú